

Bản án số: 46/2025/HS-ST

Ngày: 24-4-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hòa;

Ông Nguyễn Văn Độ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Duy Mỹ Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Dương Lý T, sinh năm 1990, tại Đồng Tháp; nơi thường trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn S và bà Nguyễn Thị D; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án số 51/2013/HSST ngày 20 tháng 6 năm 2013, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, bị cáo chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 05/8/2013; tại Bản án số 148/2013/HSST ngày 07 tháng 8 năm 2013, Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 02 năm tù tại bản án số 51/2013/HSST ngày 20 tháng 6 năm 2013, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Buộc chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 06 năm 06 tháng tù; chấp hành xong án phí HSST ngày 31/12/2013, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/8/2018; ngày bị tạm giữ 27 tháng 11 năm 2024, sau tạm giam cho đến nay, có mặt.

2. Lê Đình L, sinh năm 1997, tại Bình Dương; nơi thường trú: ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê

Đình T1 và bà Võ Thị G; có vợ là Phan Thị Hồng G1 và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Điều V, sinh năm 1992, tại Bình Phước; nơi thường trú: ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Xtiêng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điều N (đã chết) và bà Thị T2; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH A; địa chỉ: Lô A - CN, khu Công nghiệp B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Công ty TNHH D1; địa chỉ: 2 P, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Đức L1, sinh năm 1992; nơi thường trú: xóm Đ, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nơi tạm trú: đường D, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Lý T, Lê Đình L và Điều V là nhân viên bảo vệ của Công ty TNHH D1 (sau đây gọi tắt là Công ty D1) có địa chỉ tại 237/65/23, P, Phường A, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH A (sau đây gọi tắt là Công ty A), có địa chỉ tại lô A-9A-CN, Khu công nghiệp B, thuộc khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương ký hợp đồng thuê Công ty D1 bảo vệ tài sản cho Công ty A. T, L và V được Công ty D1 giao nhiệm vụ trực gác bảo vệ tại Công ty A (trong đó T là tổ trưởng tổ bảo vệ).

Khoảng 18 giờ, ngày 15 tháng 5 năm 2024, trong lúc T, L và V đang trực bảo vệ tại Công ty A thì T nảy sinh ý định trộm các đoạn kim loại đồng (đã qua sử dụng) với kích thước khác nhau trong kho của Công ty A để bán kiếm tiền tiêu xài cá nhân. T rủ L và V thì cả hai đồng ý. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, T chuẩn bị 02 bao nhựa (rỗng), T giao L tắt đèn nhà xe và đứng canh giới ngoài cổng, còn V đi cùng T đến xưởng B của Công ty A để lấy trộm. Tới nơi, T và V dùng tay lấy các đoạn kim loại đồng (đã qua sử dụng) bỏ vào 02 bao nhựa. Sau khi bỏ đầy, T và V cùng vác một bao, còn lại kêu L vác một bao ra khu vực nhà để xe công nhân (gần cổng ra vào). T và V đặt một bao lên xe mô tô (không xác định rõ biển số) của L, L điều khiển xe mô tô chở T ngồi sau nắm giữ bao phế liệu đồng vừa trộm được, L điều khiển xe theo hướng dẫn của T chạy đến cửa hàng thu mua phế liệu, địa chỉ tại đường D, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương do anh Nguyễn Đức L1 làm chủ để bán. Sau đó, T cùng L quay lại Công ty A chở tiếp bao nhựa (bên trong có chứa các đoạn kim loại đồng) còn lại ra cửa hàng phế liệu của anh Lưu B với giá tổng cộng là 16.500.000 đồng. T chia cho V 3.000.000 đồng, T chia cho L 7.000.000 đồng, số còn lại T được 6.500.000 đồng. Sau khi có tiền, T, L, V đã tiêu xài hết.

Đến ngày 17 tháng 5 năm 2024, qua kiểm tra hệ thống camera, Bộ phận nhân sự của Công ty A phát hiện T, L và V thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên đã thông báo cho Công ty D1 để làm việc. Ngày 29 tháng 5 năm 2024, Công ty A trình báo sự việc trên đến Đồn Công an Khu công nghiệp B, huyện B, tỉnh Bình Dương. Hồ sơ được chuyển giao đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 61/KL-HĐĐGTS ngày 12 tháng 6 năm 2024, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận:

- Đồng chỉ (kim loại đồng) (34 x 50mm x 10 x R5mm), trọng lượng 13,2kg trị giá 1.610.400 đồng.
- Đồng tròn đặc (kim loại đồng) (10mm), trọng lượng 8,7kg trị giá 1.061.400 đồng.
- Đồng tròn đặc (kim loại đồng) (30mm), trọng lượng 10,5kg trị giá 1.281.000 đồng.
- Đồng tròn đặc (kim loại đồng) (35mm), trọng lượng 9,6kg trị giá 1.171.200 đồng.
- Đồng tròn đặc (kim loại đồng) (25mm), trọng lượng 12,5kg trị giá 1.525.000 đồng.
- Đồng tròn đặc (kim loại đồng) (08mm), trọng lượng 11,4kg trị giá 1.390.800 đồng.
- Đồng thanh định hình (kim loại đồng) (37 x 31mm), trọng lượng 17,3kg trị giá 2.110.600 đồng.
- Đồng tấm (kim loại đồng) (0,6mm), trọng lượng 59,2kg trị giá 7.222.400 đồng.

Tổng trị giá 142,4kg các đoạn kim loại đồng với kích thước khác nhau mà các bị cáo T, L và V chiếm đoạt là 17.372.800 đồng.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản.

Về vật chứng:

Các đoạn kim loại đồng đã qua sử dụng với kích thước khác nhau có trọng lượng 142,4kg mà các bị cáo T, L và V đã trộm của Công ty A, quá trình xác minh và điều tra xác định, các bị cáo đã bán các đoạn kim loại đồng trên cho anh Nguyễn Đức L1. Qua làm việc, anh L1 khai nhận hàng ngày cơ sở của anh L1 thu mua đồng phế liệu (đã qua sử dụng) từ các cá nhân rất nhiều, đồng thời do sự việc diễn ra đã lâu nên anh Lưu K còn nhớ việc mua bán trên. Do đó, vật chứng không thu hồi được.

Đối với xe mô tô (không xác định rõ biển số) mà Lê Đình L điều khiển chở Dương Lý T mang các đoạn đồng trộm cắp được đi bán, quá trình xác minh và điều tra xác định xe mô tô trên do L mua của một người không rõ nhân thân,

lai lịch với số tiền 3.000.000 đồng; khi mua L chỉ đưa tiền và nhận xe, ngoài ra không có giấy tờ đăng ký xe và không thực hiện hợp đồng mua bán. Khoảng tháng 7 năm 2024, trong lúc dựng xe mô tô trên tại vườn cao su thuộc địa bàn huyện D, tỉnh Bình Dương thì đã bị mất trộm.

Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, Công ty D1 đã bồi thường số tiền 30.042.921 đồng cho Công ty A. Công ty D1 yêu cầu Dương Lý T, Lê Đình L và Điều V bồi thường số tiền theo kết luận định giá tài sản là 17.372.800 đồng. Các bị cáo chưa bồi thường cho Công ty D1.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử: Điều Vom nộp tiền khắc phục hậu quả số tiền 3.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0002564 ngày 26 tháng 3 năm 2025 và Biên lai thu tiền số 0002569 ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng; Lê Đình L tiền khắc phục hậu quả số tiền 7.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0002565 ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Dương Lý T, Lê Đình L và Điều V đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Bản Cáo trạng số 19/CT-VKSBB ngày 19 tháng 02 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Dương Lý T, Lê Đình L và Điều V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Dương Lý T, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử phạt bị cáo T mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Đình L, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử phạt bị cáo Lê Đình L mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo

Điều V, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử phạt bị cáo Điều V mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Dương Lý T, Lê Đình L và Điều V cùng bồi thường cho Công ty D1 Sepre24 số tiền là 17.372.800 đồng. Khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng do các bị cáo Điều V, Lê Đình L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng. Buộc các bị cáo Dương Lý T, Lê Đình L và Điều V tiếp tục liên đới bồi thường cho Công ty D1 Sepre24 số tiền còn lại là 7.372.800 đồng.

Các bị cáo Dương Lý T, Lê Đình L và Điều V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận.

Bị hại Công ty A đã nhận tiền bồi thường thiệt hại, không có yêu cầu gì khác. Về hình phạt: không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty D1 Sepre24 yêu cầu Dương Lý T, Lê Đình L và Điều V cùng bồi thường cho số tiền là 17.372.800 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Đức Lưu K có yêu cầu gì trong vụ án.

Bị cáo Dương Lý T nói lời sau cùng: trong thời gian bị tạm giam, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là sai trái, bị cáo rất ăn năn, hối hận, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Lê Đình L nói lời sau cùng: bị cáo rất ăn năn, hối hận, xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Điều V nói lời sau cùng: bị cáo rất ăn năn, hối hận, xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho phép bị cáo được ở nhà nuôi mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Có căn cứ xác định: Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại xưởng B của Công ty TNHH A có địa chỉ tại: lô A-9A-CN khu công nghiệp B thuộc khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, Dương Lý T, Lê Đình L và Điều V đã lén lút trộm cắp các đoạn kim loại đồng có trọng lượng 142.4kg trị giá 17.372.800 đồng của Công ty TNHH A. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: hành vi của các bị cáo Dương Lý T, Lê Đình L và Điều V đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tại phiên tòa: các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp các đoạn kim loại đồng của Công ty TNHH A.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

[5.1] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[5.2] Về nhân thân:

Bị cáo Dương Lý T từng bị kết án về tội trộm cắp tài sản, gây rối trật tự công cộng, nay lại tiếp tục phạm tội, xét về nhân thân của bị cáo là chưa tốt.

Các bị cáo Lê Đình L và Điều V tại thời điểm phạm tội không bị kết án, không bị xử lý hành chính, xét về nhân thân của các bị cáo là tốt.

[5.3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Dương Lý T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; do đó, bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Lê Đình L tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; do đó, bị cáo L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Điều V tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Điều V là người dân tộc ít người, có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận thức về pháp luật chưa cao; do đó, bị cáo V được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xét, tình hình xâm phạm sở hữu trong thời gian gần đây diễn biến phức tạp, hành vi trộm cắp tài sản liên tục xảy ra trên địa bàn huyện B, hành vi ngày càng liều lĩnh, phức tạp. Trong vụ án này, các bị cáo lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu để trộm cắp, sau đó đem tài sản đi tiêu thụ, do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[7] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Dương Lý T là người chủ mưu, đã rủ rê, lôi kéo các bị cáo còn lại trộm cắp tài sản đồng thời bị cáo T cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và di chuyển tài sản đi tiêu thụ nên bị cáo T vừa người chủ mưu vừa là người thực hành, các bị cáo còn lại thực hiện hành vi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và di chuyển tài sản đi tiêu thụ nên các bị cáo Lê Đình L, Điều V là người thực hành tích cực. Hội đồng xét xử xét áp dụng các Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo là tương xứng so với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy, trong vụ án này, bị cáo Lê Đình L, Điều V có vai trò là người thực hành, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính, các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51; bị cáo Điều V có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng đề cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục. Xét thấy, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng xét xử xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, cho các bị cáo hưởng án treo là đã đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH D1 Sepre24 yêu cầu bị cáo Dương Lý T, Lê Đình L và Điều V bồi thường số tiền 17.372.800 đồng, các bị cáo đồng ý bồi thường. Xét, thỏa thuận về việc bồi thường của bị hại và các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo

đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[10] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Dương Lý T;

Khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Đình L;

Khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 65 đối với bị cáo Điều V;

Các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo;

Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo;

Các Điều 106, 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Các Điều 6, 23, 26 Mục 1 Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Dương Lý T, Lê Đình L và Điều V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Dương Lý T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 11 năm 2024.

2.2 Xử phạt bị cáo Lê Đình L 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao Lê Đình L cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự.

2.3 Xử phạt bị cáo Điều V 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao Điều V cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo Dương Lý T, Lê Đình L và Điều V liên đới bồi thường cho Công ty TNHH D1 Sepre24 số tiền 17.372.800 (mười bảy triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm) đồng được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng do các bị cáo Điều V, Lê Đình L đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 0002564 ngày 26 tháng 3 năm 2025; Biên lai thu tiền số 0002569 ngày 11 tháng 4 năm 2025 và Biên lai thu tiền số 0002565 ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng. Các bị cáo Dương Lý T, Lê Đình L và Điều V tiếp tục liên đới bồi thường cho Công ty TNHH D1 Sepre24 số tiền 7.372.800 (bảy triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Các bị cáo Dương Lý T, Lê Đình L và Điều V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Dương Lý T, Lê Đình L và Điều V cùng phải nộp 368.640 (ba trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- PV06 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử TAND (nếu có);
- UBND xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước;
- UBND xã Minh Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết